

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 5 - 2026.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuê.

Bà Lại Thị Hồng Lê .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 17/11/1985.

Số căn cước công dân: 0351850100071.

Địa chỉ: Tổ dân phố số E, phường K, tỉnh Ninh Bình; đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn M, sinh ngày 01/11/1984.

Số căn cước công dân: 035084005819.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2026 và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn M kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường K, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn

vợ chồng bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2019 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm yêu thương, gắn kết nữa dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng bà đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2020, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông M để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông M có một con chung là anh Đoàn Tuấn M1, sinh ngày 25/05/2007. Hiện anh M1 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Trong thời gian sống ly thân với ông M, bà có quan hệ với người đàn ông khác và đã có 03 con riêng, tên dự kiến khai sinh là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 07/6/2020, Nguyễn Thị N1, sinh ngày 27/4/2024 và Nguyễn Ngọc H, sinh này 02/8/2025 (đều chưa có giấy khai sinh). Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đoàn Văn M là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn M. 2. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Đoàn Văn M là bị đơn; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Ninh Bình. Bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Đoàn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn M kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Hà Nam (nay là phường K, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng bà N, ông M chung sống hòa thuận, hạnh phúc được đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm yêu thương, gắn kết nữa dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi, chửi nhau.. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà N xin ly hôn ông M là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Bà N, ông M có một con chung là anh Đoàn Tuấn M1, sinh ngày 25/05/2007. Hiện anh M1 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, bà N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Con riêng: Bà N có 03 con riêng, tên dự kiến khai sinh là Nguyễn Thị Y, sinh ngày 07/6/2020, Nguyễn Thị N1, sinh ngày 27/4/2024 và Nguyễn Ngọc H, sinh này 02/8/2025 (đều chưa có giấy khai sinh). Bà N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều Điều 227; 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đoàn Văn M.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000876 ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N, ông Đoàn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Kim Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt